

Bản án số: 77/2019/DS-ST

Ngày: 01-10-2019

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÂY NAM, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hồng Dân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phạm Văn Nam.

2. Ông Ngô Văn Bình.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Lanh – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 366/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 260/2019/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 291/2019/QĐST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông **Nguyễn Trọng H**, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Ấp MN, xã NĐ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

**- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:**

Ông **Nguyễn Văn T** – Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn Hoàng V thuộc Đoàn Luật sư tỉnh BN.

**- Bị đơn:** Ông **Huỳnh Văn T**, sinh năm: 1966.

ĐKTT: Ấp 1, xã GT, huyện TP, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: Ấp MN, xã NĐ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà **Võ Thị H**, sinh năm: 1960.

Địa chỉ: Ấp MN, xã NĐ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H, ông T có mặt; ông T và bà H vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 11 năm 2018, bản khai, biên bản ghi nhận ý kiến và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Trọng H trình bày:*

Do là chỗ quen biết với nhau ông cho ông Huỳnh Văn T và bà Võ Thị H vay tiền, các lần vay cụ thể như sau:

- Ngày 25/6/2016, ông cho ông T và bà H vay số tiền 250.000.000 đồng, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng cho bà Lương Thị Châu Hà, thời hạn vay là 30 ngày kể từ ngày nhận tiền, hai bên không thỏa thuận về lãi suất.

- Ngày 02/7/2016, ông cho ông T và bà H vay số tiền 150.000.000 đồng, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng cho bà Lương Thị Châu Hà, thời hạn vay là 10 ngày kể từ ngày nhận tiền, hai bên không thỏa thuận về lãi suất.

Cả hai lần vay ông T và bà Hòa đều có ký tên vào giấy biên nhận vay tiền nhưng để có cơ sở cho việc ông T vay tiền của ông nên ngày 04/7/2016 ông yêu cầu ông T làm đơn xin xác nhận đã vay của ông các khoản tiền nêu trên và được chứng thực tại Văn phòng Công chứng Mỏ Cày Nam.

Tuy nhiên, từ khi vay tiền cho đến nay ông đã nhiều lần yêu cầu ông T và bà H thanh toán tiền nhưng ông T và bà H vẫn không thực hiện.

Nay ông yêu cầu ông Huỳnh Văn T có nghĩa vụ trả cho ông số tiền vay gốc là 400.000.000 đồng và thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu tính tiền lãi.

Trước đây, trong đơn khởi kiện và bản tự khai ông yêu cầu bà Võ Thị H có nghĩa vụ liên đới cùng ông T trả số tiền 400.000.000 đồng nhưng nay ông xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà Võ Thị H có nghĩa vụ liên đới cùng ông T trả số tiền 150.000.000 đồng và thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu tính tiền lãi.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/12/2018, bị đơn ông Huỳnh Văn T trình bày:*

Ông thừa nhận có vay tiền của ông Nguyễn Trọng H hai lần nhưng không nhớ thời gian cụ thể, lần 1: vay 250.000.000 đồng, lần 2: vay 150.000.000 đồng. Ông đồng ý trả cho ông H số tiền vay gốc là 400.000.000 đồng. Mục đích vay tiền là do ông đứng ra vay dùm cho một người khác và ông không sử dụng số tiền đã vay nên không đồng ý với yêu cầu tính tiền lãi của ông H.

*Tại bản khai đề ngày 25/12/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H trình bày:*

Việc ông Huỳnh Văn T vay tiền của ông Nguyễn Trọng H do hai người tự thỏa thuận với nhau, bà không biết cũng như không vay tiền của ông H nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Kiểm sát viên trình bày ý kiến phát biểu về nội dung và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc ông Huỳnh Văn T có nghĩa vụ trả số tiền vay là 250.000.000 đồng.
- Buộc ông Huỳnh Văn T và bà Võ Thị H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay là 150.000.000 đồng.
- Ghi nhận ông Nguyễn Trọng H không yêu cầu tính tiền lãi đối với số tiền vay gốc.
- Ông Nguyễn Trọng H xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc yêu cầu bà Võ Thị H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay 250.000.000 đồng nên đình chỉ, không xem xét giải quyết.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Trọng H là ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Trọng H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa ông với ông Huỳnh Văn T và bà Võ Thị H có nơi cư trú tại ấp MN, xã NĐ, huyện M, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Huỳnh Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T, bà H.

[2] Về nội dung:

Ông H và ông T thống nhất vào năm 2016 ông H có cho ông T vay tiền hai lần, cụ thể: Lần 1: ông T vay 250.000.000 đồng, lần 2: ông T vay 150.000.000 đồng. Cả hai lần vay ông T đều có ký tên vào giấy nhận nợ, xác nhận số tiền đã vay và được chứng thực tại Văn phòng Công chứng Mỏ Cày Nam. Đây là tình tiết, sự kiện được các đương sự thống nhất thừa nhận, không pH chứng minh, được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Như vậy, căn cứ vào giấy vay tiền có thời hạn nêu trên, ông T đã vi phạm thời hạn trả nợ theo hợp đồng nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông H, buộc ông T có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền vay là 400.000.000 đồng.

Ông H yêu cầu bà H có nghĩa vụ liên đới cùng ông T trả số tiền 150.000.000 đồng. Ông H căn cứ vào giấy “Biên nhận” đề ngày 2-7 DL có nội dung “vợ chồng chúng tôi có nhận của cháu Hải số tiền mặt là 150.000.000” có chữ ký của bà H để yêu cầu khởi kiện. Mặc dù, bà H và ông T không có quan hệ vợ chồng nhưng căn cứ vào Kết luận giám định số 160/2019/GĐTL ngày 06/6/2019 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Bến Tre xác định chữ ký, chữ viết trong giấy “Biên nhận” nêu trên là do bà H ký tên và viết tên. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông H là có cơ sở chấp nhận, buộc bà H có nghĩa vụ liên đới cùng ông T trả số tiền 150.000.000 đồng.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cùng với các tài liệu nêu trên cho ông T, bà H nhưng ông T, bà H không gửi cho Tòa án văn bản nào trình bày ý kiến, yêu cầu về việc áp dụng pháp luật có liên quan đến việc giải quyết vụ án cũng như không tham gia các lần hòa giải.

Ông H xin rút yêu cầu buộc bà H liên đới cùng ông T trả số tiền vay 250.000.000 đồng nên đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông H.

Ông H thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu tính tiền lãi đối với số tiền vay gốc nên ghi nhận.

[3] Về chi phí thu thập chứng cứ: Chi phí trưng cầu giám định là 600.000 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà H pH chịu chi phí thu thập chứng cứ tổng cộng là 600.000 đồng. Ông đã nộp số tiền tạm ứng là 600.000 đồng nên bà H có nghĩa vụ trả lại cho ông H số tiền 600.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông T và bà H pH liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền vay 150.000.000 đồng là 7.500.000 đồng.

Ông T pH chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền vay 250.000.000 đồng là: 12.500.000 đồng.

Trả lại cho ông H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.456.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 147, Điều 162, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng H.

Buộc ông Huỳnh Văn T và bà Võ Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Trọng H số tiền vay là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Buộc ông Huỳnh Văn T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Trọng H số tiền vay là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu buộc bà Võ Thị H có nghĩa vụ liên đới cùng ông Huỳnh Văn T trả cho ông Nguyễn Trọng H số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về chi phí thu thập chứng cứ: Bà Võ Thị H pH chịu chi phí thu thập chứng cứ là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng). Do ông Nguyễn Trọng H đã nộp số tiền tạm ứng là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) nên bà Võ Thị H có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Trọng H số tiền 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng).

*Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Buộc ông Huỳnh Văn T và bà Võ Thị H pH liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Buộc ông Huỳnh Văn T pH chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.500.000đ (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Trả lại cho ông Nguyễn Trọng H số tiền tạm ứng án phí là 13.456.000đ (Mười ba triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu số 0020908 ngày 06 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Nguyễn Hồng Dân**